

## MỘT SỐ DẤU HIỆU VỀ TIẾP XÚC NGÔN NGỮ VIỆT - KHMER TẠI TỈNH TRÀ VINH

NGUYỄN THỊ HUỆ\*

### 1. Vay mượn từ vựng là biểu hiện của kết quả tiếp xúc ngôn ngữ

Khi ngôn ngữ thứ hai được nhiều người song ngữ sử dụng thì thường thấy xuất hiện các từ vựng của ngôn ngữ thứ hai khi sử dụng ngôn ngữ thứ nhất - Weinreich gọi là *nonce borrowings* (tạm dịch: vay mượn đặt ra để dùng trong một trường hợp nhất định) (Weinreich 1968:47). Vay mượn từ vựng thường dẫn đến sự thay đổi về phát âm ở ngôn ngữ tiếp nhận. Các minh họa sau đây với ngôn ngữ thứ nhất là Việt, ngôn ngữ tiếp nhận là Khmer chứng minh rằng có sự điều chỉnh phát âm khi tiếp nhận từ ngữ vay mượn (các từ vay mượn trong kho từ vựng Việt, các địa danh ở vùng Trà Vinh). Sự thay đổi ấy thể hiện qua việc tiếp nhận nguyên vẹn từ vựng hoặc có thể điều chỉnh, lược âm, nhược hoá để làm cho việc phát âm từ vựng ngoại lai ấy trở nên dễ hơn và quen thuộc hơn.

### 2. Dấu hiệu tiếp xúc theo sự phát triển của lịch sử ngôn ngữ

Trong tiếng Việt, lịch sử biến đổi ngữ âm là một biện pháp sản sinh từ mới. Từ mới có thể mượn tất cả các nghĩa hoặc chỉ mượn một nghĩa của từ gốc. Ví dụ: *lúa* mượn từ *sro* (còn đọc là *lọ* của gốc Mon-Khmer và thóc mượn từ *suk* (tức gốc Hán).

Phương pháp biến âm tạo từ chỉ xảy ra trong một giai đoạn lịch sử nhất định chứ không xảy ra thường xuyên và kéo dài đến thời gian gần đây. Các từ gốc Khmer thuộc cơ chế ngữ âm khác: có phụ tố, tiền âm tiết và không có thanh điệu (như *khvay*, *chhvơ*) khi vào tiếng Việt chúng theo xu hướng cường hoá tức là biến phụ tố và tiền âm tiết thành âm tiết phụ và tạo ra từ song tiết hoặc đa tiết. Tiền âm tiết trong từ mới, do đó, không thể có ý nghĩa gì trong tiếng Việt, khiến những từ mới này mang dáng dấp ngoại lai rõ rệt, ví dụ:

---

\* ThS, Trường Đại học Trà Vinh

chrohóm	chòm hóm
chho	chò hõ
choong krieng	chổng kènh
hau pau	hầu bao
khmhoch	cà nhấc
Ingong	lóng ngóng
Ingơ	lơ ngơ, lớ ngớ

Từ đây có thể giả định là một số tiền âm tiết *k* và *b* trong tiếng khmer đã được âm tiết hoá thành *cà* và *ba* trong tiếng Việt như: *cà cộ, cà kê, cà khỏ, cà khĩa, cà nhấc, cà rịch, cà tàng, ba trợn, ba toác, ba láp, ba lếu, ba lãng nhăng...*

Nhiều địa danh ở miền Nam phảng phất ảnh hưởng của ngôn ngữ Khmer. Preikor (rừng gòn) đã trở thành Sài Gòn. Mỹ Tho, Sa Đéc, Bạc Liêu, Sài Mạt, Cà Mau đều được phiên âm từ chữ Khmer: Mè Sa (bà trắng), Psar Dec (chợ sắt), Po Loeuth (cây da cao); Banta Meas (Hà Tiên – thành bằng vàng). Tuk Khmau (nước đen). Những chữ *ông lục (thầy tu), ốc nha (tổng trấn), Tầm Bôn (Katambon), Cần Bột (Kampot), Hương Úc (Kompong Som), La Bích (Lovek)* đều là tiếng Khmer phiên âm và Việt hóa.

### 3. Dấu hiệu ảnh hưởng của tiếng Việt vào tiếng Khmer

**3.1. Dữ liệu:** Bằng cách ghi âm ngẫu nhiên các giao tiếp hàng ngày trong gia đình và trong thôn xóm tại xã Lương Hoà huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh, 82 đoạn ghi âm các trao đổi, nói chuyện thông thường giữa các hộ dân ở trong vùng đã được tổng hợp làm cứ liệu cho nghiên cứu về chuyển mã của người dân Khmer Trà Vinh.

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pêsay ành <i>điện</i> ời êng mớđêk êng minh chap <i>máy</i> ? (Hôm qua tao điện cho màỵ sao màỵ không bắt máy?)</li> <li>- Piprô <i>máy</i> ành ê nung minh miên <i>sóng</i> (Tại vì máy của tao ở đó không có sóng).</li> <li>- Thngai minh êng miên tâu tás tạ <i>nội/ngoại</i> êng tê. (Hôm qua màỵ có đi nhà nội/ngoại màỵ không?)</li> <li>- Êng onki <i>giường</i> tâu. (Màỵ ngồi trên giường đi.)</li> <li>- Bờ kmiên <i>vốn</i> kum thvơ <i>kinh</i> <i>doanh</i> i. (Nếu không có vốn, đừng làm kinh doanh chi).</li> <li>- Khê ời <i>ráp</i> oksl mô. (Cho ráp máy chữ đó thành câu.)</li> <li>- Mônbuôn nô bandal <i>phin/phim</i>. (04 giờ mới tới phim.)</li> <li>- Êng phak <i>dép</i> phliêm tâu. (Màỵ mang dép nhanh đi.)</li> <li>- Phliêm <i>sớm</i> ành tâu phsa chia muôi <i>mẹ</i> ành. (Sáng sớm tao đi chợ với mẹ)</li> <li>- Phok <i>chanh sôi</i> tê lây ôi na. (Uống chanh sôi không?)</li> <li>- Tâu <i>khám sức khoẻ</i> tê. (Có đi khám sức khoẻ không?)</li> <li>- Khnhôm tâu chắc <i>xăng</i> mờ phlét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Photo</i> ời ành phon. (Photo cho tao với!)</li> <li>- Êng <i>chở</i> ành ne. (Màỵ chở tao đi.)</li> <li>- Khnhôm <i>tức</i> kách nás. (Tôi tức lắm!)</li> <li>- Phok <i>sữa</i> tê êng. (Uống sữa không?)</li> <li>- Kmiên muôi <i>miếng</i> na chnganh soc. (Thịt chiên này không có miếng nào ngon cả.)</li> <li>- Tâu <i>rút</i> kás ê phsa. (Đi rút tiền ở chợ.)</li> <li>- <i>Tự</i> thvơ tâu. (Tự làm đi!) 02 học sinh đang giờ làm bài trong lớp, hỏi nhau bị giáo viên nhắc nhở.</li> <li>- Rot <i>tặng</i> ời muôi liên tiêch. (Nhà nước tặng cho thêm 01 triệu nữa.) Chương trình thoát nghèo trên TV.</li> <li>- Ban buôn <i>công</i> đây sre. (Được 04 công ruộng)</li> <li>- Na <i>chở</i> êng mô. (Ai chở màỵ qua?)</li> <li>- Ành mô <i>honda</i> ôm. (Tao đi xe ôm qua)</li> <li>- Mẹ êng à tâu <i>sạt bình</i> nâu. (Mẹ màỵ có đi sạt bình chưa?)</li> <li>- Si num <i>mì</i> tê êng. (Ăn bánh mì không?)</li> </ul>
--	--

<p>(Tôi đi đồ xăng một chút.)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tê. Ành si <i>xôi</i> pờ em. (Không, tao ăn <i>xôi</i> ngọt)</li> <li>- Phok sara os pi <i>xì</i>. (Uống rượu hết 2 <i>xì</i>.)</li> <li>- Na cờ chây <i>bình xịt</i> tâu na hoi. (Ai mượn <i>bình xịt</i> đi đâu rồi?)</li> <li>- Thngai nung <i>thứ mấy</i>. ((Hôm này <i>thứ mấy</i>?)</li> <li>- Thngai nung <i>thứ ba</i>. (Hôm nay <i>thứ ba</i>)</li> <li>- Pêây bék đôn ban man <i>chục</i>. (Hôm qua bẻ được <i>mấy chục</i> dứa?)</li> <li>- Muôi bao srau khnhôm thờ lân ban hasáp <i>kí</i>. (Một bao lúa tôi cân được 50 <i>kí</i>)</li> <li>- Êng miên tinh <i>kiến thiết</i> tê thngai nung. (Hôm nay mà có mua vé số không?)</li> <li>- Mòphòlét tiêch khnhôm tâu <i>sửa mô tô</i>. (Một chút nữa tao đi <i>sửa xe</i>.)</li> <li>- So xê lơ <i>bàn</i> nung tâu. (Viết ở trên bàn đó đi.) (Tìm kiếm nơi để ngồi viết bài)</li> <li>- Chở kọt tâu tas <i>luôn</i> nua. (Chở bà đi <i>luôn</i> đi.)</li> <li>- Thvơ <i>tặng ca</i> rol thngai <i>luôn</i>. (Làm <i>tặng ca</i> mỗi ngày <i>luôn</i>)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phok <i>bia</i> os pây kes. (Uống <i>bia</i> hết 3 <i>kết</i>)</li> <li>- Thngai nung <i>sinh nhật</i> ành êng tinh y <i>tặng</i> ành nê. (Hôm nay <i>sinh nhật</i> tao, mà mua gì <i>tặng</i> tao?)</li> <li>- Ành si ở tiêu nâu mức <i>bệnh viện Trà Vinh</i>. (Tao ăn <i>hủ tiếu</i> ở quán trước <i>bệnh viện Trà Vinh</i>)</li> <li>- Êng thvơ <i>thẻ</i> nung ós man phon. (Mày làm <i>thẻ tín dụng</i> đó hết <i>mấy</i> ngàn?)</li> <li>- Ê pêsây mòđêk êng trầu <i>giao thông</i> chạp à nê. (Ê! Hôm qua sao lại bị <i>giao thông</i> bắt vậy?)</li> <li>- Piprô ành minh dốt cà đas <i>lái xe</i> tầm. (Tại vì tao quên đem <i>giấy phép lái xe</i> theo)</li> <li>- Chuôi tinh spây <i>cải ngọt</i> ôi ành muôi phon <i>đồng</i>. (Mua <i>cải ngọt</i> cho tao một ngàn <i>đồng</i>)</li> </ul>
---	---

**3.2.** Chuyển mã sẽ không có giá trị gì khi giao tiếp với người không biết về những ngôn ngữ dùng để thay thế, nhưng chuyển mã sẽ rất có quan trọng khi sử dụng trong số những người cùng song ngữ. Nó được dùng để lấp vào các lỗ trống từ vựng - những từ mà có thể thay thế đồng nghĩa – hay biểu lộ các ý tưởng bổ sung, chỉ xuất hiện trong ngôn ngữ thứ hai do đặc điểm văn hoá, tên thường gọi... Các từ ngữ xuất hiện trong quá trình chuyển mã một khi trở nên phổ biến và sử dụng hiệu quả sẽ hình thành lớp từ vay mượn trong ngôn ngữ thứ nhất.

**3.3.** Có một số trường hợp chuyển mã ít phổ biến hơn đối với các thành viên song ngữ. Chuyển mã là cách để đánh dấu sự khác biệt giữa 02 ngôn ngữ. Hiện tượng vay mượn từ vựng sẽ dần làm phai nhạt sự khác biệt này. Chuyển mã thường bắt đầu với các thành viên trong một gia đình hay bạn bè thân quen; trong trường hợp này chuyển mã được sử dụng như một dấu hiệu thể hiện thân tình hay đôi khi để bộc lộ các bí mật khó nói. Mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nhiều người đơn ngữ khi nhận ra sự chuyển mã trong giao tiếp của những người song ngữ thường tỏ ra nghi ngờ rằng họ đang nói về mình. Sự chuyển mã trong giao tiếp của người dân Khmer tại Trà Vinh xuất hiện rất thường xuyên với những phát ngôn trong giao tiếp hàng ngày với người thân quen, bạn bè. Hiện tượng chuyển mã đang dần dần trở nên phổ biến trong các lĩnh vực đề cập khi giao tiếp: trường học, kinh doanh, mua bán, thông tin phát thanh trên đài, TV...

**3.4.** Cấu trúc cũng gây ảnh hưởng trong vay mượn từ vựng khi chuyển mã. Các nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng: hầu như không thể tuân thủ tính ngữ pháp nếu chuyển mã chỉ bằng một từ (word). Đã có nhiều lý thuyết về cú pháp của một phát ngôn phải hoà hợp với từ vựng sử dụng. Chuyển mã xảy ra khi trật tự từ của một câu hay cụm danh/động từ hoàn toàn đồng dạng trong ngôn ngữ sử dụng thay thế. Do đặc điểm khá tương đồng về cấu trúc của 2 ngôn ngữ Việt – Khmer nên các từ thay thế xuất hiện trong các chuyển mã phổ biến của người dân Khmer Trà Vinh đều thoả mãn về từ loại thay thế và vị trí, trật tự trong câu, hay cụm từ.

Chẳng hạn, động từ “điện” khi muốn nói về gọi điện cho ai đó “Tôi điện cho anh ta về.”; “Bà ấy điện cho chồng mình và oà khóc...” hay “Pê-sây ành *điện* òi êng mòđêk êng minh chap *máy* ?” (Hôm qua tao điện cho mày sao mày không

bất máy?). Trong phát ngôn này, thứ tự của các từ Khmer hoàn toàn tương tự với thứ tự các từ trong câu tiếng Việt. Một số ví dụ khác:

Êng *chở* ành ne. (Mày chở tao đi.)

Mẹ êng à *tâu sạt bình* nâu. (Mẹ mày có đi sạt bình chưa?)

Mòphòlét tiéech khnhôm *tâu sửa mô tô*. (Một chút nữa tao đi sửa xe.)

**3.5.** Về vấn đề trật tự phát sinh khả năng vay mượn từ vựng, danh từ thường có xu hướng được hay mã hay vay mượn thường xuyên hơn các nhóm từ loại khác. Tiếp theo là động từ hoặc tính từ, phụ thuộc vào ngôn ngữ khi thiết lập cấu trúc để hỏi; các từ chức năng như giới từ và đại từ thường xuất hiện cuối cùng. Trật tự này tương tự như ý tưởng về từ loại đóng hoặc mở trong nghiên cứu về thay đổi của ngôn ngữ: loại mở thường bao gồm danh từ, động từ, và tính từ; đây là những từ loại có khuynh hướng thay đổi nhanh nhất, loại đóng gồm đại từ, giới từ và liên từ. Các danh từ được dùng phổ biến trong chuyển mã của người Khmer Trà Vinh tập trung vào các sự vật thường sử dụng hàng ngày “máy” (điện thoại), “sóng” (điện thoại di động), “giường” (giường nằm), “dép”, “(cái) bàn”...; một số đại từ “nội/ngoại”, “mẹ”; các từ hư “luôn” - *Thvơ tǎng ca rol thngai luôn*. (Làm tăng ca mỗi ngày luôn).

**3.6.** Đặc điểm khác nhau nổi bật giữa Khmer và Việt là tiếng Khmer không có thanh điệu. Tuy nhiên, các phát ngôn minh họa về chuyển mã của người song ngữ Khmer đều thể hiện sự xuất hiện thanh điệu trong từng âm thanh phát ra.

#### **4. Dấu hiệu ảnh hưởng của tiếng Khmer vào tiếng Việt**

Hơn 3 thế kỷ sống cạnh nhau, người Việt vẫn dùng nhiều tên địa phương bằng tiếng Khmer do đồng bào Khmer đặt ra từ xưa. Nhiều tiếng bị đọc "trại" thành ra tiếng Việt, viết y như tiếng Việt nhưng dĩ nhiên là không có ý nghĩa gì cả nếu người đọc không biết tiếng Khmer.

Để khỏi lẫn lộn giữa nhóm từ cùng gốc của 02 ngôn ngữ, và những từ mà người Khmer trong quá trình cộng cư với người Việt, đã tiếp thu từ tiếng Việt, tôi đã vận dụng 03 tiêu chí mà Lê Trung Hoa đề xuất trong “Một số từ gốc Khmer

trong phương ngữ Nam Bộ” (Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông và các ngôn ngữ dân tộc – NXB Khoa Học Xã hội, 2002):

a. Các từ này chỉ có trong phương ngữ Nam Bộ, không tồn tại trong phương ngữ Bắc Bộ và phương ngữ Trung Bộ

b. Các sự vật được gọi tên chỉ có ở Nam Bộ, không có ở Trung Bộ và Bắc Bộ

c. Ngữ âm của các từ ngữ này xa lạ với ngữ âm tiếng Việt

Thống kê 760 địa danh các xã, ấp, kênh, rạch, chợ ở Trà Vinh, dựa theo 03 tiêu chí nêu trên, có thể tìm thấy các địa danh Khmer chiếm 25,3% (192 địa danh). Nhiều nhất là các địa danh ở Trà Cú (vùng có nhiều người Khmer nhất ở tỉnh Trà Vinh) bao gồm 58/142 ấp; tiếp theo là Châu Thành với 40/101 ấp; Tiểu Cần 19/78 ấp; Càng Long 17/120 ấp; Cầu Kè 14/30 ấp; Duyên Hải 12/64 ấp; và Cầu Ngang 8/57 ấp.

<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sóc Ruộng &lt; srok sre (xứ ruộng)</li> <li>▪ Rạch Rô &lt; tro-chiêc cranh (rạch có nhiều cây ô rô)</li> <li>▪ Sóc Tre &lt; srok ru'sây (xứ cây tre)</li> <li>▪ Sóc Dừa &lt; srok đôn (xứ cây dừa)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sóc Tràm &lt; srok smach (xứ cây tràm)</li> <li>▪ Sóc Chà &lt; srok srắc (xứ dùng chà để bắt cá)</li> <li>▪ Sóc Trờ &lt; srok cro (xứ nghèo)</li> </ul>
--	--

Các địa danh này hình thành bằng cách ghép 01 âm tiết Khmer và 01 âm tiết Việt diễn đạt nét nổi bật của vùng quê. Yếu tố Khmer (sóc, rạch) để chỉ đơn vị hành chính; yếu tố Việt để nêu đặc điểm của đơn vị hành chính ấy.

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trà Mềm &lt; tạ-mềm (tên của một loài chim)</li> <li>- Chông Nô &lt; chong-phno (đầu giồng)</li> <li>- Rùm Sóc &lt; ruôm srok (xứ đoàn kết)</li> <li>- Ô Tung &lt; ô-tôtung (kênh ngang)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô Chính &lt; ô-chịt (xứ có nhiều kênh cạnh nhau)</li> <li>- Bào sen &lt; sran chhuk (ao sen)</li> <li>- Sâm Bua &lt; sam-bua (trái sâm bua)</li> <li>- Bình Lạ &lt; sòn-lạ (Cây nhọc)</li> <li>- Bót Chếch &lt; bot-chek (xứ đường)</li> </ul>
--	---

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô Rôm &lt; ô-ruông (kênh nhập)</li> <li>- Chà dư &lt; spur (trái khế)</li> <li>- Tân Ngai &lt; chă-m-ca (vườn trồng rẫy)</li> <li>- Ô Bấp &lt; ô-cbap (kênh có nhiều dừa nước)</li> <li>- Lò Ngò &lt; chung-ngò (có đường nhỏ ngoằn ngoèo)</li> <li>- Xáng &lt; chang (kênh)</li> <li>- Ô Rung &lt; ô-rùm (kênh rạch)</li> <li>- Thala &lt; sla (miếu ông Tà)</li> <li>- Leng &lt; sleng (cây mã tiền)</li> <li>- Ô Trao &lt; ô-trao (kênh có trồng nhiều môn)</li> <li>- Ô Đùng &lt; phnô-đôn (giồng dừa)</li> <li>- Ô Trôm &lt; phno-son-crom (xứ ít người)</li> <li>- Từ Ô &lt; từ-ô (xứ cây Từ Ô)</li> <li>- Ô &lt; ô (kênh)</li> <li>- Đôn Chum &lt; đôn-chumrum (xóm dừa)</li> <li>- Xoài Thum &lt; svai thum (trái xoài to, lớn)</li> </ul>	<p>quanh co có nhiều cây dứa)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nê Có &lt; pon-lia-cos (xứ có hồ bao quanh, nhỏ hơn cù lao)</li> <li>- Bích Trì &lt; khô-khì (xứ có nhiều cây Bích Trì/cây sao)</li> <li>- Trà Cuôn &lt; tà-cuôn (rau muống)</li> <li>- Ô Cà Đa &lt; uscđa (ván kéo đất)</li>   <li>- Kosla &lt; cos-la (cồn cau)</li> <li>- Cà Săng &lt; ka-săng (trái bằng lăng)</li> <li>- Cà Hom &lt; đây-crhom (xứ đất đỏ)</li> <li>- Xà Lôn &lt; sam-lôn (khoai)</li> <li>- Cà Lóc &lt; ron-loc (ổ gà, ổ voi)</li> <li>- Ba Sát &lt; pa-sat (tháp)</li> <li>- Trà Rom &lt; tờ-rom (cây xà no có 03 ngạnh)</li> <li>- Ba Cùm &lt; phkhum (ráp lai)</li> <li>- Nô Rê &lt; nô-rê (cây giã thóc)</li> <li>- Chông Bát &lt; trong-bat (ông lục, ông sư đi bung bát)</li> <li>- Chà Và &lt; cha-qua (cây dầm để bơi ghe nhỏ khu vực nước cạn)</li> </ul>
---	---

## 5. Kết luận

Tìm kiếm, tập hợp các từ vựng thuộc gốc Khmer, những địa danh Khmer tại vùng Trà Vinh với mục đích minh chứng cho ảnh hưởng của tiếng Khmer vào



tiếng Việt; bên cạnh đó, nhận diện các từ tiếng Việt xuất hiện trong các phát ngôn thường ngày của người dân Trà Vinh nhằm khẳng định sự ảnh hưởng của tiếng Việt vào tiếng Khmer. Những dữ liệu tuy chưa thật đầy đủ, nhưng chúng cũng đã thể hiện dấu vết về tiếp xúc giữa 02 ngôn ngữ Việt – Khmer tại tỉnh Trà Vinh. Thay đổi từ vựng sẽ ảnh hưởng đến cấu trúc thể hiện trong ngôn ngữ thứ nhất, mặc dù cấu trúc ngôn ngữ của tiếng Việt và tiếng Khmer khá giống nhau, tuy nhiên sẽ có nhiều điều lý thú khi đi sâu vào phân tích các kết quả tiếp xúc ngôn ngữ về mặt ngữ âm, cấu trúc sau này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. 2002. *Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông và các ngôn ngữ dân tộc*. NXB XH.
- [2]. Adamson, H. Douglas (1988), *Variation theory and Second Language Acquisition*. Georgetown U. Press
- [3]. Campbell, Lyle (1993), *On proposed universals of grammatical borrowing*. In Aertsen, Henk, & Jeffers, Robert J. [Eds], *Historical Linguistics 1989: Papers from the 9th International Conference on Historical Linguistics 1989*. Rutgers University, 14-18 August 1989. Amsterdam: John Benjamins Publishing Co.
- [4]. Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng (2004), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu. Anh Việt, Việt Anh*. NXB KHXH
- [5]. Đặng Thanh Phương (2003), *Tiếp xúc ngôn ngữ Tày - Việt ở vùng Đông Bắc Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ.
- [6]. Đinh Lư Giang (2003), *Tình hình song ngữ Việt-Khmer ở Sóc Trăng (Trường hợp ấp Trà Sét, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu)*. Luận văn Thạc Sĩ.
- [7]. Đỗ Việt Hùng (dịch), IU.V. Rozdextvenxki (1998), *Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương*. NXBGD
- [8]. Gordon Marshall (1998), *Dictionary of sociology*. Oxford University Press.
- [9]. Hoàng Xuân Tâm, Nguyễn Văn Bằng, Bùi Tất Tươi, Cao Xuân Hạo (chủ biên), (1998), *Câu trong tiếng Việt*. NXB GD.
- [10]. Judith Jacob (1993), *Cambodian linguistics, literature and history*. School of Oriental and African Studies, University of London.

- [11]. Lê Hương (1969), *Người Việt Gốc Miên*. Hồng Anh thư Xã Australia phát hành lại.
- [12]. Lê Trung Hoa (2004), *Địa danh học và địa danh Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ.
- [13]. Leonard Bloomfield (1933), *Language history from language*. Holt, Rinehart & Winston, Inc.
- [14]. Milroy, Leslie (1980), *Language and Social Networks*. Oxford: Basil Blackwell.
- [15]. Ngô Chân Lý (2003), *Tự học chữ Khmer*. NXB Thông Tấn.
- [16]. Nguyễn Công Đức, Nguyễn Hữu Chương (2004), *Từ vựng tiếng Việt*. Lưu hành nội bộ. Tủ sách ĐH KHXH và NV.
- [17]. Nguyễn Kiên Trường (chủ biên) (2005), *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Việt Nam*. NXB KHXH
- [18]. Nguyễn Ngọc San (2003), *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*. NXB ĐHSPTP
- [19]. Nguyễn Như Ý (2002), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. NXBGD
- [20]. Terence Odlin (1989), *Language Transfer*. Cambridge University press.
- [21]. Thomason, Sarah and Terrence Kaufman (1988), *Language Contact, Creolization, and Genetic Linguistics*. Berkeley: U. of California Press.
- [22]. Trường Lưu (1993), *Văn hoá người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Văn hoá dân tộc.
- [23]. Van Coetsem, Frans (1988), *Loan phonology and the two transfer types in language contact*. Dordrecht, Holland; Providence, R.I. U.S.A.: Foris Publications. Publications in language sciences, 27.
- [24]. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Cảnh hướng và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*. NXB KHXH
- [25]. Vương Hồng Sển (1993), *Tự Vị Tiếng Việt Miền Nam*. Nhà Xuất Bản Văn Hóa.
- [26]. Vương Hồng Sển (1996), *Hơn Nửa Đời Hu*. Nhà Xuất bản Văn Hóa.
- [27]. Xtankevich N.V (1982), *Loại hình các ngôn ngữ*. NXB ĐH và THCN

**Tóm tắt:****Một số dấu hiệu về tiếp xúc ngôn ngữ Việt – Khmer tại tỉnh Trà Vinh**

Với lịch sử tiếp xúc hàng trăm năm giữa hai dân tộc ngôn ngữ đã hòa quyện, tương tác với nhau, pha trộn vào nhau, mang những sắc thái mới vào trong ngôn ngữ bản xứ. Biểu hiện rõ rệt nhất của quá trình tiếp xúc nhau giữa hai ngôn ngữ chính là ở phạm trù từ vựng. Không những vốn từ trong tiếng Việt mang âm sắc của những từ Khmer, mà cả những cách phát âm hay từ vựng của tiếng Khmer cũng đang tồn tại hàng ngày trong các địa danh tại vùng Trà Vinh xa xôi, nơi có hơn 30% dân số là người Khmer. Sự gắn bó của hai dân tộc Kinh-Khmer đã càng được minh chứng bằng cứ liệu tiếp xúc từ vựng này. Bên cạnh đó, bài nghiên cứu này sẽ là điểm xuất phát cho những nghiên cứu chi tiết, những “đột phá” tiếp theo trong lĩnh vực ngôn ngữ học về các phạm trù ngữ nghĩa, cấu trúc, phát âm giúp khám phá thêm các dấu hiệu về tiếp xúc giữa hai ngôn ngữ.

**Abstract:****Evidence of the Interaction between Kinh and Khmer Languages  
in Tra Vinh Province**

In the hundreds of year history contact between the two peoples, Kinh – Khmer languages has merged, interacted, mixed together. This process brings new styles to each native language. A very clear demonstration for the language contact process of the two languages is lexicon aspect. Not only Vietnamese word items are influenced by Khmer sound, but Khmer pronunciations or vocabulary are currently available in geography names in the remote Tra Vinh where more than 30% of population are Khmer. The close relation of two peoples is strengthened through this prove of lexicon contact data. Moreover, this research will be a starting point for following detailed, “breakthroughs” studies on linguistics relating to semantic, structure, pronunciation aspects aiming at exploring more language contact evidences.